

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về công việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2910/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố danh

mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, VP2. (L.K.Trung).

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Phạm Tiến Dũng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DVCQG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-NHNN ngày tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

STT	Mã DVCTT trên Cổng DVCQG	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
1.	1.001862	Thủ tục đề nghị cấp mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng (gọi tắt là mã BIN)	Hoạt động thanh toán	Cấp Bộ
2.	1.002127	Thủ tục đăng ký mẫu séc trắng	Hoạt động thanh toán	Cấp Bộ
3.	1.000756	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Hoạt động thanh toán	Cấp Bộ
4.	1.001317	Thủ tục Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước	Hoạt động thanh toán	Cấp Bộ
5.	2.000634	Thủ tục hủy mã ngân hàng	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
6.	2.00063	Thủ tục cấp mã ngân hàng	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
7.	1.001283	Thủ tục điều chỉnh thông tin ngân hàng	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
8.	1.000852	Thủ tục cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
9.	1.000218	Thủ tục gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
10.	1.000213	Thủ tục tạm dừng chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
11.	1.000207	Thủ tục khôi phục chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
12.	1.000198	Thủ tục thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ	Hoạt động công nghệ	Cấp Bộ

STT	Mã DVCTT trên Cổng DVCQG	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		chứng thư số	thông tin ngân hàng	
13.	1.000189	Thủ tục thay đổi cấp khóa chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
14.	1.000156	Thủ tục thay đổi mã kích hoạt chứng thư số	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	Cấp Bộ
15.	2.001538	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Ngân hàng	Hoạt động khác	Cấp Bộ
16.	2.001532	Thủ tục tặng thưởng Tập thể Lao động xuất sắc	Hoạt động khác	Cấp Bộ
17.	2.001527	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc	Hoạt động khác	Cấp Bộ
18.	2.001519	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước	Hoạt động khác	Cấp Bộ
19.	2.001512	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ	Hoạt động khác	Cấp Bộ
20.	2.001506	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Hoạt động khác	Cấp Bộ
21.	2.001497	Thủ tục tặng thưởng Huân chương các loại, các hạng	Hoạt động khác	Cấp Bộ
22.	2.001484	Thủ tục tặng thưởng Huy chương Hữu nghị	Hoạt động khác	Cấp Bộ
23.	2.001482	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động	Hoạt động khác	Cấp Bộ
24.	2.001469	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc	Hoạt động khác	Cấp Bộ
25.	2.001453	Thủ tục tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam	Hoạt động khác	Cấp Bộ
26.	1.000111	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực
27.	1.000972	Thủ tục đăng ký khoản vay nước	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ

STT	Mã DVCTT trên Cổng DVCQG	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh		
28.	1.000586	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
29.	1.000186	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
30.	2.000085	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
31.	1.000195	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
32.	1.000541	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
33.	1.000555	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
34.	1.003338	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
35.	1.003331	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
36.	1.002089	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ

STT	Mã DVCTT trên Cổng DVCQG	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
37.	1.000405	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ
38.	1.000859	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ
39.	1.003463	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
40.	1.000107	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
41.	2.000899	Thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ
42.	1.000125	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay nước ngoài của tổ chức tín dụng	Hoạt động ngoại hối	Cấp Bộ
43.	2.000077	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
44.	1.000526	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
45.	1.001579	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
46.	1.001559	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
47.	1.001616	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
48.	1.001621	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ	Thành lập và hoạt động	Ngân hàng

STT	Mã DVCTT trên Cổng DVCQG	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Quỹ tín dụng nhân dân	ngân hàng	Nhà nước Khu vực
49.	1.001627	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
50.	2.001316	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cấp Bộ
51.	1.002167	Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
52.	1.000194	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
53.	1.000206	Chấp thuận thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
54.	2.000722	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cấp Bộ
55.	1.001201	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực